

# MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ GIÁO DỤC KHI VIỆT NAM GIA NHẬP WTO

○ ThS. TRINH HỒNG HÀ\*

Những cơ hội để phát triển giáo dục (GD) khi Việt Nam gia nhập WTO là rất lớn. Chúng ta có cơ hội trao đổi, học hỏi kinh nghiệm tiến tiến của các nước trong các lĩnh vực như quản lý GD, nội dung, chương trình GD, cũng như phương pháp và phương tiện GD để có những cải tiến GD nhằm nâng cao chất lượng. Mặt khác, những áp lực của việc gia nhập WTO như cải cách thể chế quản lý, tài chính, luật pháp, xây dựng tất cả các chuẩn theo tiêu chuẩn quốc tế... buộc chúng ta phải thay đổi tích cực nhiều yếu tố trong quản lý, trong đó có cả nguồn lực, nhân sự lẫn phương thức quản lý GD theo hướng phân cấp, phân quyền, điều này sẽ tạo nên động lực mạnh mẽ để phát triển GD.

Tuy nhiên, những thách thức với GD Việt Nam khi gia nhập WTO cũng không nhỏ. Đó là thách thức về đào tạo (ĐT) nguồn nhân lực chất lượng cao; thách thức lâu dài và cơ bản về chất lượng GD; về bình đẳng và công bằng xã hội trong GD; về ngôn ngữ và giao tiếp; về tập quán và tâm lý xã hội trong học tập. Tất cả những thuận lợi và khó khăn, cơ hội và thách thức, từ bên ngoài và từ bên trong, khách quan và chủ quan tạo nên bối cảnh mới, sinh động hơn nhưng cũng phức tạp và nhiều rủi ro hơn cho phát triển GD. Bối cảnh đó cũng đặt ra nhiều vấn đề mới hoặc những vấn đề tuy không mới nhưng đòi hỏi cách giải quyết khác trước. Bài viết này xin nêu những suy nghĩ bước đầu về một số vấn đề trực tiếp liên quan đến phát triển GD ở nước ta trong bối cảnh gia nhập WTO và hội nhập quốc tế.

## 1. Vấn đề kinh tế và tài chính GD

Đây là vấn đề mới khi chúng ta chuyển đổi hệ thống quản lý kinh tế từ cơ chế tập trung bao cấp sang cơ chế thị trường cùng với những yêu cầu hội nhập kinh tế thế giới. Trước kia, mọi hoạt động trong lĩnh vực GD được lập kế hoạch và từ đó được cấp kinh phí từ ngân sách để thực hiện theo kế hoạch. Cơ chế tập trung kế hoạch hóa trong tài chính như vậy không tạo động lực cho GD phát triển. Trong bối cảnh mới, hoạt động GD phát triển đa dạng hơn để đáp ứng nhu cầu của nhiều loại đối tượng khác nhau; do đó đã xuất hiện nhiều loại hình GD khác nhau như GD chính quy, không chính quy, GD công lập và ngoài công

lập,... và bước đầu đã xuất hiện các hình thức khác nhau của dịch vụ GD.

Dịch vụ GD xuất hiện đáp ứng đòi hỏi khách quan của sự phát triển KT-XH, cần được nghiên cứu xem xét và có cơ chế quản lý thích hợp để một mặt khuyến khích sự phát triển đúng hướng đồng thời ngăn chặn, hạn chế những tiêu cực trong quản lý tài chính. Nếu chúng ta chưa khẳng định rõ ràng một hiện tượng khách quan đang tồn tại như hiện nay, để cho các dịch vụ GD không được quản lý thì sẽ càng khó phân định rạch ròi kinh phí giữa công và tư trong các cơ sở GD. Đó là điều kiện nảy sinh những tiêu cực khó kiểm soát.

Nguồn lực tài chính cho GD hiện nay không chỉ bó hẹp trong đầu tư ngân sách mà còn được khai thác từ các dự án, đề án, từ các tổ chức kinh tế xã hội, các tổ chức quốc tế, từ sự hỗ trợ, đóng góp của cộng đồng và phụ huynh học sinh... Để có thể sử dụng tốt nguồn lực tài chính phức tạp và đa dạng cho phát triển GD, chúng ta phải có sự thay đổi trong chính sách về tài chính GD và phương thức quản lý tài chính GD như thế nào cho phù hợp để phát huy được nguồn lực đó đạt hiệu quả cao.

Đổi mới cơ chế quản lý tài chính theo hướng phân cấp, phân quyền và trao quyền tự chủ về tài chính cho các cơ sở GD, cần bảo đảm cân đối hai yêu cầu: các nguồn ngân sách được sử dụng như thế nào để giữ vai trò chủ đạo về chất lượng GD và định hướng xã hội chủ nghĩa trong phát triển GD, song cơ sở GD và địa phương vẫn phải chủ động và có quyền tự chủ cao trong việc huy động, đầu tư và sử dụng các nguồn ngoài ngân sách, kể cả sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; trên cơ sở chế độ kiểm tra, kiểm toán nhà nước kết hợp với sự giám sát của cộng đồng. Chính vì vậy, cần ĐT thêm nhân lực có trình độ kiểm toán, mặt khác hình thành phương thức làm việc hiện đại là tự chủ tài chính nhưng có tính chuyên nghiệp cao, tuân thủ luật pháp về tài chính và nguyên tắc kiểm toán, bỏ bớt những thủ tục rườm rà, rắc rối trong thanh quyết toán tài chính hiện nay.

Hiện nay, một số chính sách tuy rất tốt nếu xét trên tổng thể nhưng chưa có hiệu lực mong muốn nếu xem xét vào trường hợp cụ thể. Ví dụ, chính sách miễn

\* Viện Chiến lược và Chương trình giáo dục



giảm học phí và cung cấp sách giáo khoa miễn phí cho trẻ em có hoàn cảnh khó khăn, trẻ em vùng dân tộc, vùng sâu vùng xa, trẻ em khuyết tật, là tiền đề tốt cho những trẻ này có cơ hội đến trường. Mặc dù vậy, vì mức sống của dân cư ở những vùng này rất thấp nên trẻ em đi học cũng còn gặp rất nhiều khó khăn. Mô hình bán trú dân nuôi đang được khuyến khích cũng là một giải pháp tốt nhưng thực ra chưa triệt để. Trẻ em ở các vùng này khó có thể theo học lâu dài nếu sự hỗ trợ tài chính của nhà nước chỉ giải quyết được một phần rất nhỏ trong tổng số chi phí học tập của các em. Nhà nước cần miễn học phí, cung cấp sách giáo khoa, đồ dùng học tập và hỗ trợ tiền ăn ở cho trẻ em dân tộc/trẻ em vùng khó khăn mà gia đình có mức sống thấp, để trẻ có thể học hết THCS. Còn ở những vùng kinh tế phát triển và tương đối phát triển, phải có sự đóng góp của gia đình nhiều hơn. Đây có thể là một giải pháp có hiệu quả hơn để thực hiện công bằng xã hội trong GD.

## 2. Vấn đề cơ cấu và tổ chức hệ thống GD

Cơ cấu GD và phương thức tổ chức GD hiện nay nói chung còn bất cập; thể hiện ở tính đơn điệu của các hình thức học tập, ở các khung chương trình và các quy định hành chính quá chặt về lứa tuổi, điều kiện nhập học, thi tuyển cũng như môi trường sư phạm nói chung. Cơ cấu và cách tổ chức hệ thống GD còn vướng mắc ngay từ khâu nhận thức, đặc biệt là quan niệm chưa rõ ràng về hàng loạt những vấn đề tổ chức. Ví dụ khi đồng nhất trường công lập với trường quốc lập vô tình chúng ta đã loại bỏ nhân dân khỏi dịch vụ công, vì theo quy định thì dân đối lập với công. Khi phân biệt rạch ròi trường tư và trường dân lập thì vô tình chúng ta không xem cá nhân công dân là dân nữa,... Những rắc rối về nhận thức cần được khẩn trương rà soát và làm sáng tỏ. Minh bạch hóa là một trong những nguyên tắc của WTO, kể cả trong quản lý, tổ chức và hành chính GD.

Đó là nhận thức đơn thuần, còn thực hiện cách tổ chức hệ thống GD và cơ cấu của nó như thế nào cho đúng đắn còn khó khăn gấp bội. Chúng ta cần hàng loạt những dữ liệu dự báo đáng tin cậy, khảo sát và phân tích tổng thể GD, phát triển các chiến lược GD chung và bộ phận để gắn kết tốt nhất cơ cấu, tổ chức GD với khả năng đầu tư tài chính, với phân cấp quản lý, với cơ cấu và chất lượng GV, với sự đa dạng của chương trình GD và với nhu cầu của người học, của dân cư trong phát triển GD.

## 3. Vấn đề quản lý nhà nước về GD

Quản lý nhà nước về GD cần được thay đổi theo hướng tăng cường phân cấp, phân quyền triệt để hơn nữa. Cấp trung ương vẫn giữ vai trò định hướng và kiểm soát vĩ mô, thực hiện luật và chính sách quốc gia, nhưng phân quyền cho địa phương và cơ sở tạo điều kiện cho các cấp chủ động hoạch định GD và

phát triển GD theo đúng khả năng tại chỗ. Phân quyền giúp cấp dưới phát huy được thế mạnh riêng và phát huy được những sáng kiến riêng vì mục đích phát triển của cơ sở, đảm bảo lợi ích hài hòa giữa cá nhân và chất lượng GD của cơ sở. Phân quyền tạo động lực cho sự phát triển. Đặc biệt, các trường đại học phải có quyền tự chủ phát triển và lựa chọn chương trình. Nếu không phân cấp quản lý triệt để thì hầu như sẽ buông lỏng quản lý vĩ mô, tức là quản lý trường học, và khi đó quản lý ở cấp quốc gia sẽ mang tính hình thức, kém hiệu lực. Quản lý vĩ mô không thể tự nó vươn tới cơ sở được, càng không thể tự chuyển sang hướng vào chất lượng được vì bản thân nó chỉ là cái khung hành chính, còn chất lượng GD thực chất là chất lượng tổng thể của tất cả các cơ sở GD, đòi hỏi phải quản lý chuyên môn.

Để tạo công cụ hành chính tin cậy cho đổi mới bộ máy, cơ cấu, nhân sự và hoạt động quản lý chúng ta cần phải xây dựng các chuẩn trong tất cả các lĩnh vực khác nhau của GD như: chuẩn môi trường và cơ sở vật chất trường học, chuẩn GV, chuẩn nhà quản lý, chuẩn hiệu trưởng, chuẩn học tập, chuẩn công nghệ thông tin... và thực hiện quản lý GD dựa vào chuẩn. Bên cạnh đó, chúng ta phải kiểm soát chất lượng GD từ những nhân tố đầu vào, những nhân tố của quá trình GD và những nhân tố đầu ra (sản phẩm GD). Có thể phải xây dựng tổ chức độc lập có chức năng kiểm định chất lượng GD toàn diện, không nằm trong bộ máy hành chính.

## 4. Vấn đề chất lượng giáo viên (GV)

Môi trường và yêu cầu chất lượng học tập quốc tế hiện nay rất cao, phong phú và đa dạng, do đó yêu cầu đối với GV phải cao hơn trước kia rất nhiều. Ở đây không bàn đến cơ cấu GV mà xem xét vấn đề phát triển nghề nghiệp nhà giáo. Chất lượng GV được cấu thành từ toàn bộ quá trình phát triển nghề nghiệp bao gồm 3 khâu cơ bản là: ĐT GV ban đầu, ĐT nâng cấp hoặc ĐT lại và bồi dưỡng GV trong quá trình hoạt động nghề nghiệp của họ. Muốn có chất lượng GV ở tầm quốc tế, cần xem xét rà soát lại tất cả các khâu và nhân tố trong hệ thống phát triển GV để có những cải thiện thích hợp.

ĐT ban đầu tạo ra *chất lượng nền* của GV; nó chi phối mạnh mẽ chất lượng hoạt động nghề nghiệp lâu dài của GV, chất lượng và hiệu quả bồi dưỡng thường xuyên, bồi dưỡng đáp ứng chương trình mới, bồi dưỡng chuẩn hóa, thậm chí cả năng lực và hiệu quả tự bồi dưỡng của họ nữa. Muốn vậy, sau ĐT ban đầu, GV cần có hệ thống tri thức, kỹ năng (KN) và phẩm chất nhân cách nghề nghiệp tối thiểu và đủ để có thể tổ chức được và thực hiện thành công các hoạt động và nhiệm vụ GD trong nhà trường, trước hết là dạy học. Yêu cầu này chủ yếu liên quan đến những KN tác nghiệp như quản lý lớp, giao tiếp sư phạm, giảng dạy



trên lớp, nghiên cứu học sinh, tổ chức GD, đánh giá, thiết kế giảng dạy và hoạt động GD, thiết kế môi trường học tập.

Trong hoạt động nghề nghiệp, GV phải tích lũy vốn cơ bản và khả năng tiếp tục hoàn thiện những KN và ý thức tự GD, học độc lập và thường xuyên tự bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, đạo đức nhà giáo,... Điều thiết yếu nhất đối với năng lực học thường xuyên là KN tìm tòi, xử lý thông tin về nghề nghiệp, KN học hợp tác, cộng tác trách nhiệm và chia sẻ kinh nghiệm nghề nghiệp với đồng nghiệp, những học vấn công cụ như ngoại ngữ, tin học và sử dụng công nghệ thông tin trong học tập, và đương nhiên kể cả KN đọc sách, báo, sử dụng các kỹ thuật và phương pháp nghiên cứu GD, báo cáo và thảo luận những vấn đề nghề nghiệp. Mặt khác, GV cần có nhu cầu và thiện chí phát triển nghề nghiệp của chính mình, bền bỉ và liên tục, đặc biệt được thể hiện ở khát vọng và nỗ lực học tập, rèn luyện mỗi khi có cơ hội và điều kiện.

Đạo đức nghề nghiệp của nhà giáo là một việc cần quan tâm hiện nay - đó là một nhân tố quan trọng trong chất lượng GV. Chương trình ĐT GV ban đầu đóng vai trò trang bị và rèn luyện đạo đức nghề nghiệp cơ bản. Trong quá trình giảng dạy ở trường học, bản thân GV cần thường xuyên tự bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ và giữ lòng tự trọng nghề nghiệp.

### 5. Vấn đề người học và học tập

GD hiện đại coi người học là chủ thể, hướng vào nhu cầu của người học và dựa vào chính người học để tiến hành hoạt động GD. Người học là nguồn lực cơ bản của GD, là nhân tố đầu vào và là kết quả của quá trình GD. Để trở thành người học tích cực trong quá trình GD, người học cần được trang bị những KN học tập cơ bản để học tốt.

Thành tựu khoa học - công nghệ và môi trường xã hội ngày nay tạo thêm rất nhiều điều kiện học tập hiệu quả cao. Nhưng người học phải nắm bắt và khai thác được chúng. Họ cần có những KN học tập cơ bản trong môi trường hiện đại. Những *KN nhận thức học tập cơ bản* gồm có: + KN tìm kiếm và khai thác các nguồn học tập như KN làm việc với sách báo, KN nghe, ghi, KN tra cứu thông tin trên mạng, tra cứu thư viện...; + KN xử lý, tổ chức, đánh giá thông tin và nội dung học tập chẳng hạn như KN tóm tắt nội dung học tập, nêu câu hỏi, giả thuyết, phán đoán và lập luận, KN phát hiện vấn đề và giải quyết vấn đề... + KN áp dụng, phát triển kết quả nhận thức và học tập dưới những hình thức khác nhau như KN áp dụng kiến thức đã học để đánh giá các sự kiện trong cuộc sống, KN chuẩn bị và tiến hành kiểm tra, thi cử, KN chuyển hoá tri thức thành năng lực thực hiện trong công việc và trong cuộc sống.

Những *KN giao tiếp và quan hệ học tập* gồm: KN trình bày bằng văn bản, phát biểu ý kiến; KN ứng xử, thể hiện hành vi khi làm việc với người khác; KN giao tiếp nhờ

sử dụng phương tiện viễn thông và công nghệ thông tin hiện đại vào mục đích học tập như tham gia diễn đàn trên mạng, khai thác thông tin học tập trên mạng,... Những *KN quản lý học tập* gồm có: KN tổ chức môi trường học tập cá nhân; KN hoạch định hoạt động học tập; KN kiểm tra và đánh giá quá trình và kết quả học tập.

Nhà trường và GV phải tạo được môi trường phù hợp để xây dựng và phát triển các KN này bởi khi người học có được những KN cơ bản trong học tập, GV tổ chức tốt môi trường học tập thì chắc chắn chất lượng GD ở người học sẽ tốt như mong muốn.

### 6. Vấn đề chương trình GD

Đòi hỏi về chất lượng nguồn nhân lực sẽ tác động mạnh mẽ đến chương trình GD và công tác quản lý chương trình. Chương trình GD phổ thông cần đổi mới theo hướng linh hoạt, hướng vào người học và tăng cường GD KN sống, KN học tập thường xuyên. Chương trình GD sau phổ thông cần đồng thời hướng vào thị trường lao động (trong nước và quốc tế) và hướng vào năng lực thực hiện (tức là chuẩn bị tốt năng lực làm việc chuyên nghiệp cho người học). Nhà trường phải thực hiện các chương trình GD có giá trị nhân văn cao, đáp ứng nhu cầu đa dạng của người học và cộng đồng, kể cả người học từ nước ngoài đến Việt Nam học tập. Yêu cầu trung tâm đối với công tác phát triển và quản lý chương trình GD có lẽ là khả năng tạo ra tối đa các cơ hội để người học và địa phương lựa chọn chương trình phù hợp với mình, khả năng chuyển chương trình nếu họ muốn, khả năng liên thông giữa các cấp học và các ngành ĐT, và cuối cùng tạo ra được học chế mềm mại, linh hoạt, dễ dàng thay đổi và có cấu trúc mở (ví dụ ĐT theo tín chỉ, phân hóa dạy học và tự hạch toán dựa vào thương hiệu).

Muốn ĐT nguồn nhân lực đáp ứng những đòi hỏi khi gia nhập WTO, GD đại học, GD trung học chuyên nghiệp và dạy nghề phải đổi mới toàn diện để có thể ĐT nguồn nhân lực đạt tầm quốc tế. Cần ĐT một đội ngũ nhân lực tinh thông luật pháp quốc tế, tinh thông những nghề mới như thị trường chứng khoán, kiểm toán, quản trị kinh doanh... đạt ngang tầm quốc tế mới có thể tiếp tục giữ vững lợi thế và phát huy được lợi ích khi là thành viên WTO.

Để có thể tăng cơ hội bình đẳng trong GD, điều đầu tiên và quan trọng là phải tạo cơ hội cho học sinh dân tộc có được trình độ tiếng Việt như người Kinh. Có thể thay đổi chương trình GD theo hướng những lớp học đầu cấp tiểu học ở các vùng dân tộc chỉ tập trung vào dạy cho học sinh vững hai môn cơ bản là Tiếng Việt và Toán. Khi đã vững hai môn cơ bản này thì học sinh mới có thể có cơ sở để tiếp thu các môn học khác và có cơ hội học tiếp các lớp sau và từ đó mới có thể có cơ hội phát triển.

Cần có sự thay đổi về tư duy trong GD theo hướng thực hiện bình đẳng giới. Trong chương trình GD cần

(Xem tiếp trang 11)



## Một số vấn đề...

(Tiếp theo trang 7)

phải lồng ghép những vấn đề nhạy cảm giới. Ngoại ngữ và tin học cần phải được nghiên cứu kỹ càng để đưa vào chương trình học từ lớp nào là thích hợp. Cũng cần có sự phân biệt giữa các vùng khác nhau, các vùng dân tộc và vùng sâu xa thì có thể không nhất thiết phải học như học sinh ở các vùng phát triển khác hoặc thành thị.

Chỉ có nền GD chất lượng cao mới giúp đất nước vững vàng hội nhập kinh tế thế giới sau gia nhập WTO, và lúc đó cương vị thành viên WTO mới thực sự có ích và tăng cường cho chúng ta nhiều cơ hội lớn hơn để phát triển. Hệ thống GD cần được cải thiện tổng thể về cơ cấu, quy mô và chất lượng theo hướng hiện đại hóa và đáp ứng các chuẩn quốc tế. □

### Tài liệu tham khảo

1. Bùi Đức Thiệp. **Giáo dục Trung Quốc và tiến trình gia nhập WTO**. Tạp chí *Phát triển giáo dục*, số 7/ 2005.
2. Đặng Thành Hưng. *Tư duy chính trị của Đảng trong bối cảnh hội nhập quốc tế và hiện đại hóa giáo dục* (Bài phát biểu tại Đại hội đại biểu Đảng bộ Viện Chiến lược và Chương trình giáo dục, tháng 8/2005).
3. Vũ Ngọc Hải. "Giáo dục: Một số điểm cần lưu ý khi Việt Nam gia nhập WTO". Tạp chí *Phát triển giáo dục*, số 7/ 2005.